

# Santee Elementary School

## 2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (Xuất bản trong năm học 2023-2024)



### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

## Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

Tên Trường	Santee Elementary School
Đường	1313 Audubon Drive
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose CA, 95122
Số điện thoại	(408) 283-6450
Hiệu trưởng	Maria Reyes
Địa chỉ Email	maria.reyes@fmsd.org
Trang web của Trường	santee.fmsd.org
Mã Học khu của Quận (CDS)	43-69450-6047252

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

Tên Học khu	Franklin-McKinley Elementary School District
Số điện thoại	(408) 283-6000
Giám đốc	Juan Cruz
Địa chỉ Email	juan.cruz@fmsd.org
Trang web Học khu	www.fmsd.org

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Santee School is located in the east section of San Jose, at the north end of Franklin-McKinley School District (FMSD). Santee is one of 16 schools in the FMSD and currently serves approximately 370 preschool through sixth-grade students. Our vision and mission is to unlock the potential of the world's future innovators, inventors, dreamers, and leaders in a technology-rich environment. Each child will grow socially and academically while developing the resourcefulness, resiliency, and creativity necessary to be successful in today's and tomorrow's world. Through relevant real-world learning, they will see themselves as community advocates and change agents who can positively impact their community. This is accomplished by fostering a safe, nurturing environment that inspires individual excellence and integrates the strength of our diverse community.

Santee staff is working to transform the classroom into a place of deeper exploration and creativity by reviewing student work and developing programs that boost academic progress. The team at Santee continuously checks student data to provide lessons that meet the needs of individual students. Grade levels meet weekly to create standard lesson plans based on ongoing formative assessments. The Instructional Leadership Team, comprised of a representative from each grade level, meets monthly to monitor the progress of annual goals based on benchmarks.

In grades K-3, we use the Sobrato English Academic Language (SEAL) model. Santee's SEAL classrooms bring to life the rigor and richness called for by the Common Core Standards. Language and literacy education is woven into all aspects of the day. Children use high-level, complex language to talk about what they are learning. Students actively collaborate, solve

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

problems, and engage in whole- and small-group activities. Teachers are highly trained and model rich, expressive language, creating environments where academic vocabulary and concepts come to life.

Santee offers a variety of programs that include: Small group intervention for struggling readers in all grades during the day and after school, extended day TK & Kindergarten program, educational and cultural Enrichment, After School CORAL Program (K-6th grade), Homework Club (4-6th grade), Progressions music class (1-3rd graders), Band (4-6th grade), Audacity Arts and Kids Club.

Santee strives to support all students' academic, physical, mental, and social well-being by establishing systems and creating a safe, welcoming, and inclusive environment that allows students to participate fully in learning and the school community. We believe significant learning occurs with meaningful relationships. A focus on relationships builds a positive school climate and culture that is racially just. We have established strong community partnerships holistically focused on students, families, educators, and the community. Partners provide in- and out-of-school resources and opportunities that build on the strengths and respond to the needs of students and families.

Our school-wide behavior agreements are: Be Respectful, Empathetic A, Problem Solver, Responsible, and Safe. We are a No PLACE FOR HATE SCHOOL: Anti-Bullying campaign and character development education.

We provide structured activities during recess and lunchtime that teach students conflict resolution strategies and good sportsmanship. Our team comprises caring adults who dedicate their time, interest, attention, and emotional support to students.

Our Wellness Center provides wrap-around services to students and families, and our Zen Den - A multi-sensory room is open for students during school hours.

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	76
Lớp 1	29
Lớp 2	48
Lớp 3	47
Lớp 4	57
Lớp 5	51
Lớp 6	51
Tổng Ghi danh	359

## 2022-23 Student Enrollment by Student Group

These fields will be populated by DTS with data provided by CDE as it becomes available.

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	52.1%
Nam	47.9%
Người gốc Châu Á	12.8%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.6%
Người Phi Luật Tân	1.4%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	84.4%
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.3%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	0.3%
Người Da trắng	0.3%
Sinh viên nói tiếng anh	67.7%
Những đứa con nuôi	0.3%
Vô gia cư	1.4%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	76%
Học sinh khuyết tật	13.6%

### A. Điều kiện Học tập

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	19.00	90.52	333.30	79.92	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.90	9.48	18.50	4.45	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	35.10	8.43	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	7.30	1.76	12115.80	4.41
Không xác định	0.00	0.00	22.70	5.44	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>20.90</b>	<b>100.00</b>	<b>417.00</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	19.50	97.50	332.80	79.13	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	16.30	3.88	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	38.90	9.26	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	5.50	1.33	11953.10	4.28
Không xác định	0.50	2.50	26.90	6.40	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>20.00</b>	<b>100.00</b>	<b>420.50</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	0.00	0.00
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

## Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

## Phân công lớp học

These fields will be populated by DTS with data provided by CDE as it becomes available.

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0	0
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

## Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác năm học 2023 – 2024

**Textbook and instructional Materials:** The local governing board of the Franklin-McKinley School District has certified that each pupil in the District, in transitional kindergarten through eighth grade, has been provided with standards-aligned textbooks and/or instructional materials in each of the following areas: reading/language arts, mathematics, science and history/social studies. Health is included in the science curriculum. All District textbook adoptions are within the scope of the most recent State Board of Education adoptions and comply with California Education Code provisions.

In accordance with the California Education Code and the Williams Settlement mandates, procedures, monitoring processes and reporting practices by principals and District departments have ensured that all students have access to the current, standards-based textbooks and instructional materials.

In order to comply with the mandates to provide students with the most recent state-approved adoptions in the core areas of Reading/Language Arts, Mathematics, Science and History/Social Studies (Health is included in the Science curriculum), a textbook inventory was conducted at every school by September 2023. Each principal was responsible for ensuring that every student was provided with the necessary textbooks and instructional materials. In addition, the updated inventory count was also verified by each site for every classroom in September 2023. In addition, principals were responsible for the replenishment of needed textbooks at every grade level (TK-8). All ordering and delivery materials are through an established set of procedures with the District Service Center. As part of the monitoring of sufficiency of textbooks and instructional materials, principals submit a school wide and an individual classroom report to the Curriculum, Instruction, and Assessment Department annually.

As a result of the inventories, the Franklin-McKinley Board of Education certified that each student in grades TK-8, including English learners, have been furnished a complete set of core instructional materials and textbooks that meet the requirements of the California Education Code. A public hearing regarding the sufficiency of said materials that are consistent with state-adopted frameworks was held on September 12, 2023. A Resolution on Sufficiency of Materials, according to the Williams Act mandates, was passed at a public hearing on September 12, 2023.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

9/2023

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Đọc/Ngôn ngữ	Creative Curriculum (TK)/2022 Journeys: Houghton Mifflin Harcourt Brace (K-5)/2020 Collections: Houghton Mifflin Harcourt Brace (6-8)/2020	Yes	0%
Toán	Creative Curriculum (TK)/2022 Engage NY Math Gr K-5 (Eureka) 2014 College Prep Math Gr 6-8 (CPM) 2014	Yes	0%
Khoa học	Amplify (K-6) Adopted 2022 Discovery Science (7-8), Adopted 2020	Yes	0%

<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	History-Social Science for California Pearson Scott Foresman (K-5) Adopted 2007; TCI, Inc. (7-8) Adopted 2022	Yes	0%
<b>Ngoại ngữ</b>	No foreign Language text		0
<b>Giáo dục Sức khỏe</b>	Positive Prevention Plus, HIV/STD Prevention Education for California Youth, Middle School Curriculum, Grade 7, 2016 Positive Prevention Plus, Comprehensive Sexual Education, Upper Elementary, Grade 5, 2019	Yes	0
<b>Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	No Visual Arts	Yes	0%
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)</b>	Không có thông tin	Không có thông tin	

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Santee Elementary School has 21 classrooms, a multi-purpose room, a library, and an administration building. The main campus was built in 1965. The site has two (2) 8-hour custodians assigned for daily cleaning.

In 2020, FMSD Bond Measure R was passed and funded several site improvements to the facilities, including the installation of security cameras at all entrances and access gates (2021), roof repairs (2021), installation of ceiling-mounted projectors in classrooms, with the use of ESSER Funds (2021), replacement for floor coverings in some rooms (2021), and on-going maintenance and repairs of all HVAC units.

ESSER funds were utilized to provide additional picnic tables for outdoor learning use (2021), and a designated Wellness Center was established to ensure students are provided with psychological and counseling services and a safe, healthy, and connected school environment (2021).

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

7/11/2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Resource B- AC not working (Complete April 2024)
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong	X			Conference Room- Torn wallpaper (Complete April 2024) Office/File Room- Carpet trim (Complete April 2024) A2- Wallpaper torn, broken ceiling tile (Complete April 2024) C7- Carpet trim (Complete April 2024) C8- Carpet trim (Complete April 2024)



## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

			<p>C10- Room number missing, carpet trim, broken blinds (Complete April 2024)</p> <p>C11- Carpet stain, wallpaper torn (Complete April 2024)</p> <p>C12- Carpet trim (Complete April 2024)</p> <p>D15- Formica trim (Complete April 2024)</p> <p>Library, Media - Broken ceiling tile (Complete April 2024)</p> <p>D13, 19, 23, B6 - Broken ceiling tile, broken blinds (Complete April 2024)</p> <p>D18- Wallpaper torn, broken blinds (Complete April 2024)</p> <p>24- Torn wallpaper (Complete April 2024)</p> <p>B4- Broken blinds (Complete April 2024)</p> <p>MPR- Ceiling trim (Complete April 2024)</p> <p>Kitchen- Missing air vent, floor trim loose (Complete April 2024)</p>
<p><b>Sạch Sẻ:</b>                  Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt</p>	<p>X</p>		<p>Admin- Dirty floor (Complete April 2024)</p> <p>Unisex restroom- Clean walls, clean vents (Complete April 2024)</p> <p>A1, D17- Carpet stain, clean vents (Complete April 2024)</p> <p>Workroom- Clean floor (Complete April 2024)</p> <p>A2, D18- Clean carpet (Complete April 2024)</p> <p>Staff Restroom- Clean vents, needs to be cleaned (Complete April 2024)</p> <p>Boy's restroom- Needs to be cleaned, spider webs (Complete April 2024)</p> <p>Office/Resource A, C8, C9, C10, D13, 19, 21, B3, B5, B6, Stage - Clean vents (Complete April 2024)</p> <p>C7, C11, 20, 22, B4, - Clean carpet, clean vents (Complete April 2024)</p> <p>D15, D16, Kitchen - Clean vents, spider webs (Complete April 2024)</p> <p>Girl's restroom D wing, Custodian, Boy's restroom D wing, - Needs to be cleaned (Complete April 2024)</p>

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

			<p>24- Spider webs (Complete April 2024)</p> <p>Girl's restroom near 24, Boy's restroom near electrical- Needs to be cleaned (Complete April 2024)</p> <p>B6, MPR- Floor needs to be cleaned, clean vents (Complete April 2024)</p>
<b>Điện</b>	X		<p>Conference room- Electrical molding peeled (Complete April 2024)</p> <p>Electrical, D16, B3, Girl's restroom near 24, B4, Stage, - Lights out (Complete April 2024)</p> <p>B5- Low voltage molding (Complete April 2024)</p> <p>B6- Broken electrical plate, lights out (Complete April 2024)</p>
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X		<p>Staff Restroom near workroom- Sink not working (Complete April 2024)</p> <p>D14- Sink aerator (Complete April 2024)</p> <p>D13- Sink aerator missing (Complete April 2024)</p>
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X		<p>Electrical near office- Clear electrical panel (Complete April 2024)</p> <p>Electrical near resource B- Electrical panel is blocked (Complete April 2024)</p> <p>21- Fire extinguisher missing (Complete April 2024)</p> <p>Boy's restroom near electrical- Not for storage (Complete April 2024)</p>
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X		None.
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X		None.

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

#### Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

### Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	21	20	41	40	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	9	9	33	31	33	34

## 2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	213	202	94.84	5.16	19.80
<b>Nữ</b>	113	108	95.58	4.42	20.37
<b>Nam</b>	100	94	94.00	6.00	19.15
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	25	23	92.00	8.00	30.43
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	182	174	95.60	4.40	17.82
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	0	0	0	0	0
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	129	118	91.47	8.53	4.24
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	175	167	95.43	4.57	20.96
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	30	30	100.00	0.00	6.67

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	213	210	98.59	1.41	9.05
<b>Nữ</b>	113	111	98.23	1.77	5.41
<b>Nam</b>	100	99	99.00	1.00	13.13
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	25	24	96.00	4.00	16.67
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	182	181	99.45	0.55	7.18
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	0	0	0	0	0
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	129	126	97.67	2.33	0.79
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	175	173	98.86	1.14	9.83
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	30	30	100.00	0.00	0.00

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	13.46	7.69	22.71	21.96	29.47	30.29

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	52	52	100.00	0.00	7.69
<b>Nữ</b>	25	25	100.00	0.00	12.00
<b>Nam</b>	27	27	100.00	0.00	3.70
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	0	0	0	0	0
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	46	46	100.00	0.00	4.35
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc</b>	0	0	0	0	0
<b>Người Da trắng</b>	0	0	0	0	0
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	30	30	100.00	0.00	0.00
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	42	42	100.00	0.00	7.14
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	--	--	--	--	--

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2022 – 2023

### Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2022 – 2023

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

### Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh ghi danh vào các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2022 – 2023	
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2021 – 2022	

### B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

### Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	100%	100%	100%	100%	100%

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Santee School recognizes the positive impact of parents' involvement in their child's education. As a result, numerous opportunities exist to increase parent involvement and support. Some examples of the way parents are invited to contribute as partners in the educational process are participating in:

Workshop for parents on language and literacy development strategies

School Site Council

English Learner Advisory Committee (ELAC)

Cafecitos (monthly meeting with the principal)

SEAL Gallery Walks (K-3) - End of unit showcase

Home-School Connections integrated into the curriculum

Family nights — emphasizing literacy, math, and science — are held throughout the school year.

Community-building events -Whole School Community Meetings (first Friday of the month), Back to School night, Harvest Festival, Winter Concert, Talent Show, Spring Exhibition Night, and Awards Assemblies)

Volunteer in classrooms, field trips, and event planning

Translation (Spanish, Vietnamese, and Cambodian) is provided during parent meetings.

"Los Dichos" parent group

Parent Workshops (Raising a Reader & Triple P)

Santee Elementary School continues to find additional ways to reach the parent community. Parent advisory committees help to generate ideas to increase parental involvement and coordinate activities for the school.

For more information on becoming involved at the school, contact Maria Reyes, Principal, at [maria.reyes@fmsd.org](mailto:maria.reyes@fmsd.org) or Elsy Martelli, community liaison at [elsy.martelli@fmsd.org](mailto:elsy.martelli@fmsd.org).

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học							9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							83.6	87	86.2



## Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
<b>Bất kỳ học sinh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Nữ</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Nam</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Phi nhị giới</b>			
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người gốc Châu Á</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Da trắng</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Những đứa con nuôi</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Vô gia cư</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	0.0	0.0	0.0

## Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	409	381	106	27.8
Nữ	210	197	48	24.4
Nam	199	184	58	31.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	58	47	7	14.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	2	2	1	50.0
Người Phi Luật Tân	7	7	3	42.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	339	322	94	29.2
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	1	1	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	1	1	1	100.0
Người Da trắng	1	1	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	278	262	69	26.3
Những đứa con nuôi	1	1	0	0.0
Vô gia cư	15	10	5	50.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	329	311	91	29.3
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	65	64	22	34.4

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

### Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.00	0.97	0.49	0.00	1.64	2.49	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07	0.08

## Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	0.49	0
Nữ	0.48	0
Nam	0.5	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	0	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.59	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0
Người Da trắng	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	0.72	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.61	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	0	0

## Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

All schools in the Franklin-McKinley School District have a detailed, comprehensive safety plan designed to ensure the health and security of all students and staff. The safety plan consists of various site drills designed to meet several emergencies that might arise. All school sites within Franklin-McKinley School District practice fire, drop and cover (earthquake), and intruder drills. There are established committees at all sites and levels to review safety procedures, correct any problems, and expand FMMSD's capacity to deliver services when and where needed. In addition, all required drills are calendared, completed, and evaluated, with the results being communicated to all staff and parents on the school website and via email from an administrator. The School Safety Plan was reviewed, updated, and discussed with the school faculty, parents, and students on 11/16/2023. Safety Plan Study Session will be held on 1/25/24. The Board of Trustees approved the plan on February 27, 2024.

### D. Thông Tin Khác của SARC

### Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

## 2020-21 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	15	4		
1	11	4		
2	15	3	1	
3	15	4		
4	33		1	
5	22		2	
6	27		2	

## 2021-22 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	16	3	1	
1	13	2	2	
2	16	2	1	
3	19	3		
4	28		2	
5	18	1	2	
6	18	2		
Khác	7	2		

## 2022-23 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	19	1	3	0
1	15	2	0	0
2	16	1	2	0
3	16	2	1	0
4	19	1	2	0
5	26	0	2	0
6	26	0	2	0
Khác	0	0	0	0

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## 2022-23 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	0

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	1
Y Tá	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0.1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	3.5

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	11,766	3,375	8,392	103,489
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	11,410	\$99,173
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-30.5	7.7
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$89,574
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	24.0	17.0

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

The following is a list of Federal and State funded programs that are provided to students at Franklin-McKinley School District:

- Title I (Basic Grant) funded intervention programs, supplemental instructional materials, professional development and parent engagement activities
- Title II (Teacher & Principal Training and Recruiting) funds Teacher Induction and mentoring for new teachers
- Title III (for Limited English Proficient Students) funds support interpretation and translation services and parent engagement activities for parents of EL students.
- Title IV (Technology, Social-Emotional Learning and Well Rounded-Educational Activities)
- After School Education and Safety Program (ASES)
- Hourly Programs (extended day/year education)
- Local Control Funding Formula (LCFF) funded services include instructional materials, staffing, academic and social emotional support, school site supplemental services for identified students and professional development
- Starting Smart and Strong Grant
- National School Lunch Program

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$58,080	\$54,215
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$100,404	\$86,843
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$116,035	\$111,440
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$152,465	\$140,851
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$149,947	\$147,065
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$0	\$142,189
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$254,367	\$252,466
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	35%	33.16%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5.83%	5.15%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	0
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	0
Toán	0
Khoa học	0
Khoa học Xã hội	0
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b> Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	0



## Phát triển Chuyên môn

The primary areas of focus for our professional development in FMSD schools is training our staff to support the goals outlined in the district Local Control and Accountability Plan (LCAP).

FMSD provided teachers with professional development that emphasized the district focus, “Learning to Read” before students returned to school in August. Staff was provided with professional development opportunities that focused on the newly acquired supplemental phonics programs SIPPS and Sonday, along with sessions on the phonemic awareness program, Heggerty in grades K-2nd. Middle school staff was provided with workshops covering vocabulary instruction and morphology at the secondary level to ensure alignment to the FMSD Literacy Block. Additionally, staff participated in workshops that provided an overview on new adoptions; TCI, K-6 Social Studies and the TK Curriculum, Creative Curriculum for Transitional Kindergarten, California, as well as continued learning in Math, Science, and Writing instruction. New teachers were provided workshops orienting them to the district adopted curriculum and participated in Implicit Bias training. Special Education staff received training on facilitating and writing IEPs, and the requirements for Special Education instruction. Throughout the fall, optional professional development opportunities were provided monthly including topics such as Assessments including ESGI, NSGRA, FastBridge, Lexia, SIPPS, Sonday, Heggerty, and Orton-Gillingham foundational training.

In January 2024, teachers will participate in a full-day series of professional development. Workshops will align to the district focus, with professional development focused on Tier I instruction. Last school year, all staff were provided training in Implicit Bias from Collaborative Learning Solutions. This year, 2023-24, FMSD provided Implicit Bias training for all new staff and staff who were unable to attend training last year.

Ongoing Professional Learning Communities allow teachers to learn from each other and discuss best practices. All FMSD schools are participating in the implementation of a Multi-Tiered System of Support (MTSS) focused on Tier I instruction and universal access. Four schools (Dahl, McKinley, Los Arboles and Santee) continue to participate in the Sobrato Foundation SEAL (Sobrato Early Academic Language) program. These schools participate in professional development and curriculum support to meet their diverse populations and to help English Learners. Teachers participated in asynchronous training provided by SEAL.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	4	4	4